

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ *I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company*2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng Vietcombank3. Mã chứng khoán/ *Securities code*: FUEIP1004. Tên quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF IPAAM VN1005. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address*: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date*: 13/09/20247. Đơn vị tính/*Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares*.**Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/****Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:**

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1,900	5.27%
2	BCG	300	0.22%
3	BID	100	0.55%
4	BVH	100	0.49%
5	CTG	400	1.59%
6	DBC	100	0.33%
7	DCM	100	0.43%
8	DGC	100	1.29%
9	DGW	100	0.69%
10	DIG	200	0.49%
11	DPM	100	0.40%
12	DXG	300	0.50%
13	EIB	700	1.46%
14	EVF	200	0.26%
15	FPT	600	9.00%
16	FRT	100	2.03%
17	GAS	100	0.95%
18	GEX	300	0.71%
19	GMD	100	0.88%
20	GVR	100	0.39%
21	HAG	300	0.36%

22	HCM	200	0.65%
23	HDB	1,000	2.97%
24	HDG	100	0.31%
25	HHV	200	0.27%
26	HPG	1,600	4.55%
27	HSG	200	0.46%
28	KBC	300	0.86%
29	KDC	100	0.62%
30	KDH	200	0.84%
31	LPB	1,100	3.83%
32	MBB	1,300	3.54%
33	MSB	1,000	1.29%
34	MSN	300	2.55%
35	MWG	500	3.83%
36	NKG	100	0.24%
37	NLG	100	0.46%
38	NVL	600	0.78%
39	OCB	600	0.78%
40	PAN	100	0.27%
41	PCI	100	0.33%
42	PDR	200	0.48%
43	PLX	100	0.51%
44	PNJ	100	1.13%
45	POW	300	0.44%
46	PVD	100	0.30%
47	PVT	100	0.32%
48	REE	100	0.74%
49	SAB	100	0.63%
50	SBT	200	0.30%
51	SHB	1,400	1.64%
52	SSB	800	1.37%
53	SSI	500	1.83%
54	STB	900	3.03%
55	TCB	2,100	5.31%
56	TCH	200	0.39%
57	TPB	500	1.03%
58	VCB	300	3.04%
59	VCG	200	0.41%
60	VCI	100	0.38%
61	VHC	100	0.80%
62	VHM	600	2.93%
63	VIB	600	1.23%
64	VIC	500	2.43%

1027
C
MỘT
JÁN L
CHÚ
BÀ T

65	VIX	600	0.77%
66	VJC	100	1.19%
67	VND	500	0.81%
68	VNM	400	3.39%
69	VPB	2,200	4.61%
70	VRE	400	0.86%
II.	Tiền/Cash (VND)	49,770,899	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND)	881,940,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND)	931,710,899
Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND)	49,770,899

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	24,450	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	48,350	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	FPT	132,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	77,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	24,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	67,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	99,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	65,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	22,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	18,150	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	18,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	14,300	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

T
H
VH
JY
KH
A
IG

Đại diện tổ chức/Organization Representative

Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thúy Lan

